

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/03/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Phú V, huyện A, tỉnh T. Địa chỉ tạm trú: Tổ 8, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Phú V, huyện A, tỉnh T. Địa chỉ tạm trú: Tổ 8, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Quốc T (Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Quốc T nên

giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2007 do UBND xã P, huyện A, tỉnh T, cấp ngày 20/01/2007 không còn giá trị pháp lý).

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Quốc T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà L và ông T xác định vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/12/2006 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 11/9/2011. Ly hôn, bà L và ông T thỏa thuận: Giao con chung 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/12/2006 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 11/9/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà L và ông T xác định không có.

3/ Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003614 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã Phú Vinh, huyện A,
tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh

